TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11-9-2018
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH KHÁNH HÒA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Dư

2. Bà Võ Thị Diệu Thảo

Thư ký phiên toà: Bà Chu Thị Huân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 85/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72A/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông La Thành H, sinh năm: 1976
Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường P, thành phố V, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Võ Diệp Thu T, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường P, thành phố V, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông La Thành H trình bày:* Ông và bà Võ Diệp Thu T tự nguyện chung sống với nhau năm 2005 và được Ủy ban nhân dân phường P, thị xã V (nay là thành phố V) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyển số 01 ngày 13/11/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau một năm thì phát sinh mâu thuẫn về mọi vấn đề trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau, làm cho không khí gia đình căng thẳng và tình cảm vợ chồng bị tổn thương. Nay vợ chồng không còn yêu thương nhau, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung La Thị Bảo R, sinh ngày: 14/3/2006. Ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông và bà T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà T nợ Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 10.000.000đ, vay theo chương trình nước sạch vệ sinh môi trường. Ông tự nguyện trả toàn bộ số nợ này.

** Tại bản tự khai ngày 18/7/2018, bị đơn bà Võ Diệp Thu T trình bày:*

Về hôn nhân: Quá trình tìm hiểu và kết hôn giữa bà và ông H đúng như ông H trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Mặc dù vợ chồng hay cãi nhau và ông H thường xuyên đánh bà nhưng bà vẫn bỏ qua vì bà vẫn còn thương chồng thương con. Nay ông H yêu cầu ly hôn với bà, bà không đồng ý ly hôn, bà yêu cầu được đoàn tụ để vợ chồng nuôi dạy con.

Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung đúng như ông H trình bày. Bà không đồng ý ly hôn nên không có yêu cầu về con chung.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông H nợ Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 10.000.000đ, vay theo chương trình nước sạch vệ sinh môi trường. Ông H tự nguyện trả toàn bộ số nợ này, bà đồng ý.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V:*

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông H. Về hôn nhân: ông H được ly hôn bà T; về con chung: ông H được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung La Thị Bảo R, sinh ngày: 14/3/2006, bà T không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: ông H và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét; về nợ chung: Ngân hàng Chính sách xã hội không yêu cầu Tòa án xử lý trách nhiệm trả nợ đối với ông H nên không xét. Về án phí: ông H phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

** Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:* Giấy chứng nhận kết hôn của ông H và bà T; Giấy khai sinh cháu Trân; Giấy chứng minh nhân dân ông H, bà T; Sổ hộ khẩu mang tên ông H; Sổ vay vốn (dùng cho hộ gia đình), người vay ông H, Ngân hàng giao dịch: Ngân hàng Chính sách xã hội V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông La Thành H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố V giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa ông và bà Võ Diệp Thu T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Ông H và bà T tự nguyện chung sống với nhau năm 2005 và được Ủy ban nhân dân phường P, thị xã V (nay là thành phố V) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyển số 01 ngày 13/11/2006 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn về mọi vấn đề trong cuộc sống; ông bà thường xuyên cãi vã, ông H không còn tình cảm với bà T nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T; bản thân bà T thừa nhận vợ chồng ông bà hay cãi nhau và ông H thường xuyên đánh bà nhưng bà còn yêu thương ông nên không đồng ý ly hôn. Tại Biên bản xác minh ngày 28/6/2018, chính quyền địa phương cung cấp: "Ông La Thành H và bà Võ Diệp Thu T sau khi kết hôn sống chung với nhau tại tổ dân phố B, phường P, thành phố V. Vợ chồng sống với nhau không có hạnh phúc, ông H thường xuyên đánh đập bà T gây ồn ào, chính quyền địa phương phải can thiệp nhưng những lần làm việc chỉ hòa giải, khuyên nhủ bằng miệng, không lập biên bản làm việc. Nguyên nhân gì dẫn đến việc ông H thường xuyên đánh đập bà T thì chính quyền địa phương không được biết.". Xét thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nhưng ông H thường xuyên có hành vi bạo lực với bà T là vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông H yêu cầu được ly hôn với bà T là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của ông H.

[2.2] Về con chung: Ông H và bà T có 01 con chung La Thị Bảo R, sinh ngày: 14/3/2006. Ông H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, bà T không có ý kiến. Xét: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bố mẹ ly hôn là nhằm phát triển tốt cho con cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Cháu R hiện nay đang sống cùng với bố và cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, cần giao cháu Trân cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông H về việc không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Ông H và bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về nợ chung: Tính đến ngày 27/6/2018, hộ ông La Thành H và bà Võ Diệp Thu T còn nợ tiền vay Ngân hàng Chính sách xã hội V số tiền 10.073.973đ vay chương trình nước sạch vệ sinh môi trường, cụ thể nợ gốc 10.000.000đ, nợ lãi 73.973đ. Ngân hàng Chính sách xã hội V không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ đối với hộ ông H nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Ông H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về "Ly hôn".

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông La Thành H.

1. Về hôn nhân: Ông La Thành H được ly hôn bà Võ Diệp Thu T.

2. Về con chung: Ông La Thành H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung La Thị Bảo R, sinh ngày: 14/3/2006.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông La Thành H về việc không yêu cầu bà Võ Diệp Thu T cấp dưỡng nuôi con.

* Vì lợi ích của con, hai bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Ông La Thành H và bà Võ Diệp Thu T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về nợ chung: Ngân hàng Chính sách xã hội V không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ đối với hộ La Thành H và bà Võ Diệp Thu T nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí: Ông La Thành H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về "Ly hôn" nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0012237 ngày 02/4/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V. Ông H đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Ông La Thành H, bà Võ Diệp Thu T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p V;
- CCTHADS t.p V;
- UBND phường P;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA